- 1. Các khái niêm cơ bản
- 2. Các biểu thức điều kiện và vòng lặp
- 3. Xử lý ngoại lệ
- 4. Các kiểu dữ liệu khác trong Python
- 4.1. String
- 4.1.1. Tạo một string trong Python
- Để tạo một biến kiểu String, giá trị được khởi tạo được đặt trong cặp dấu ngoặc đơn '' hoặc cặp dấu ngoặc kép "" hoặc cặp ba dấu ngoặc đơn """ hoặc cặp ba dấu ngoặc kép ""
- Ví du:
- 4.1.2. Truy cập đến các ký tự của string
- Có thể truy cập đến từng ký tự riêng lẻ của String thông qua chỉ mục.
- Ví du:
- Python hỗ trợ cắt String thông qua chỉ mục cùng toán tử hai chấm (:)
- Ví du:
- 4.1.3. Định dạng của string
- Sử dụng hàm format() để định dạng String.
- Ví du:

4.1.4. Một số phương thức hay dùng với string

<u> </u>	, 0	
Tên phương thức	Ý nghĩa	Cú pháp
Capitalize		
Upper		
Lower		
Swapcase		
Join		
Split		

Count	
Startswith	
Endswith	
Find	
Index	
Islower	
Isupper	
Isdigit	

## 4.2. List

- List trong Python giống như một mảng kích thước động (tương tự như vector trong C++ hay ArrayList trong Java).
- 4.2.1. Khởi tạo list
- Cú pháp:

- Ví dụ:
- 4.2.2. Sử dụng phương thức append() với list
- Dùng hàm tích hợp append() để thêm các phần tử vào cuối list.
- Lưu ý: Chỉ thêm được 1 phần tử tại 1 thời điểm khi dùng hàm append().
- Ví dụ:
- 4.2.3. Sử dụng phương thức insert() với list
- Để thêm phần tử vào vị trí mong muốn, sử dụng phương thức insert().
- Lưu ý: Chỉ thêm được 1 phần tử tại 1 thời điểm khi dùng hàm insert().
- Ví du:
- 4.2.4. Sử dụng phương thức extend() với list
- Extend() là phương thức được sử dụng để thêm nhiều yếu tố cùng một lúc vào cuối list.
- Ví du:

- 4.2.5. Truy cập đến các phần tử trong list
  Sử dụng toán tử chỉ mục [] để truy cập vào phần tử trong list.
- Số chỉ mục phải là một số nguyên.
- List lồng nhau phải được truy cập bằng việc sử dụng lập chỉ mục lồng nhau.
- Ví dụ:

4.2.6. Các phương thức hay dùng với list

	<u> </u>	
Tên	Ý nghĩa	Cú pháp
Count		
Clear		
Append		
Extend		
Insert		
Pop		
Sort		